



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG
(Ngày 16/04/2018)

STT	Nội dung	Người thực hiện
1	Tiếp đón cổ đông Đăng ký cổ đông, phát tài liệu	Ban Tổ chức
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ông Nhữ Văn Nguyên - Thành viên BKS
3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp	Ông Nguyễn Văn Thanh - Trưởng BKS
4	Giới thiệu và thông qua chủ tịch đoàn	Ông Nhữ Văn Nguyên - Thành viên BKS
5	Thông qua chương trình, quy chế làm việc tại Đại hội	Ông Nhữ Văn Nguyên - Thành viên BKS
6	Giới thiệu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu	Ông Cao Trung Ngoan - Chủ tịch HĐQT
7	Khai mạc Đại hội	Ông Cao Trung Ngoan - Chủ tịch HĐQT
8	Báo cáo công tác quản lý, sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 của HĐQT	Ông Hoàng Đình Quang - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
9	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2017	Ông Nguyễn Văn Thanh - Trưởng BKS
10	Thông qua tờ trình miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT, Trưởng BKS và bổ sung thành viên HĐQT	Ông Hoàng Đình Quang - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
11	Bầu bổ sung thành viên HĐQT	Ông Đào Ngọc Thành - Thành viên BKS
12	Báo cáo Tài chính năm 2017 đã kiểm toán (tóm tắt)	Ông Đỗ Ngọc Thắng - Kế toán trưởng
13	Thông qua tờ trình: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017; Thông báo mức thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và dự kiến năm 2018; Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.	Ông Phạm Việt Hà - Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty
14	Thông qua tờ trình Điều lệ Công ty sửa đổi	Ông Vũ Đức Thành - Phó giám đốc Công ty
15	Thông qua tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Ông Vũ Đức Thành - Phó giám đốc Công ty
16	Thông báo kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT	Ông Đào Ngọc Thành - Thành viên BKS
17	Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội	Ông Cao Trung Ngoan - Chủ tịch HĐQT
18	Thông qua Biên bản, Nghị quyết của Đại hội	Thư ký trình bày dự thảo, Chủ tịch đoàn thông qua Đại hội.
19	Bế mạc Đại hội	Ông Cao Trung Ngoan - Chủ tịch HĐQT



Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Ngày 16 tháng 04 năm 2018

THẺ BIỂU QUYẾT

Mã số dự họp

068

MẪU

Tên cổ đông/ đại diện cổ đông: **Hoàng Gia Huy**

Số cổ phần sở hữu/ đại diện sở hữu: **3.000 (cổ phần)**

Tổng số phiếu biểu quyết **3.000 (phiếu)**

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018
<input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không có ý kiến
2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017
<input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không có ý kiến
3. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2017
<input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không có ý kiến
4. Phân chia lợi nhuận năm 2017
<input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không có ý kiến
5. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018
<input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không có ý kiến
6. Lựa chọn danh sách Công ty Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2018
<input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không có ý kiến
7. Điều lệ Công ty sửa đổi
<input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không có ý kiến
8. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
<input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không có ý kiến

Ghi chú: Cổ đông/đại diện cổ đông đánh dấu (X) vào một (1) trong ba (3) ô trống của thẻ biểu quyết đối với từng vấn đề cần biểu quyết và gửi lại cho Ban Tổ chức.

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt nội dung Điều lệ sửa đổi
của Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng;
- Căn cứ Tờ trình số: 300/CV-HĐQT ngày 11/04/2018 của Bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí phê duyệt nội dung Điều lệ sửa đổi của Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng.

Điều 2: Điều lệ sửa đổi của Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng được trình và xin ý kiến thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty.

Điều 3: Hội đồng quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, Ban KS;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: HC, TK Công ty.



CHỦ TỊCH HĐQT

Cao Trung Ngoan

Hải Phòng, ngày 11 tháng 04 năm 2018

QUY CHẾ
BIỂU QUYẾT THÔNG QUA
Việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ
Công ty cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng,

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng để biểu quyết thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng.

2. Cổ đông; người được ủy quyền dự họp có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Thể thức trình bày và cách thức phát biểu ý kiến

1. Dự thảo Điều lệ sửa đổi của Công ty cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng được trình bày gồm 04 chương, 71 điều.

2. Khi cổ đông cho ý kiến về việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ cần ghi phiếu biểu quyết. Khi Đoàn chủ tịch đồng ý mới tiến hành phát biểu ý kiến của mình. Khi phát biểu cần nêu rõ điều, khoản, mục để Đại hội thuận tiện theo dõi.

Điều 3. Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Điều lệ

1. Đoàn Chủ tịch tiếp nhận ý kiến đóng góp của cổ đông, giải thích và thảo luận nội dung các vấn đề liên quan để đi đến thống nhất.

2. Trường hợp sau khi đã thảo luận mà Đại hội vẫn chưa thống nhất được thì Đoàn chủ tịch vẫn sẽ lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.

3. Các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong Điều lệ công ty được thông qua khi có số biểu quyết từ 51% trở lên trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.



4. Đoàn chủ tịch sẽ tiến hành lấy biểu quyết các Điều, khoản, mục mà cổ đông có tham gia ý kiến đóng góp chỉnh sửa, bổ sung trước. Theo đó, mỗi lần biểu quyết sẽ phải nêu rõ tên và số điều, khoản, mục và lý do để cổ đông thuận tiện theo dõi.

5. Tất cả những điều, khoản, mục còn lại mà cổ đông không có ý kiến tham gia đóng góp chỉnh sửa, bổ sung sẽ được Đoàn chủ tịch xin biểu quyết thông qua 1 lần duy nhất.

Điều 4. Hiệu lực thi hành của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng thông qua tại cuộc họp.

Nơi nhận: *EL*

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu:VT, TK Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Cao Trung Ngoan



TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ
của Công ty cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

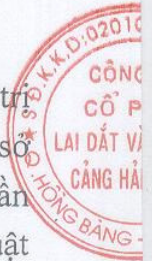
Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần lai đất và vận tải Cảng Hải Phòng.

Căn cứ qui định của Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ Luật Kế toán, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành;

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ của Công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với qui định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật hiện hành và yêu cầu quản trị điều hành Công ty. Dự thảo Điều lệ được sửa đổi bổ sung lần này bao gồm 04 chương với 71 điều. Cụ thể dự thảo Điều lệ như sau:

- Phần mở đầu.
- Chương I: Những quy định chung
 - Mục 1: Định nghĩa các thuật ngữ gồm 01 điều (điều 1)
 - Mục 2: Mục tiêu và phạm vi hoạt động gồm 09 điều (từ điều 2 đến điều 10).
- Chương II: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu gồm 10 điều (từ điều 11 đến điều 20).
- Chương III: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát
 - Mục 1: Cơ cấu tổ chức gồm 01 điều (điều 21)
 - Mục 2: Cổ đông và Đại hội cổ đông gồm 14 điều (từ điều 22 đến điều 35).
 - Mục 3: Hội đồng quản trị gồm 11 điều (từ điều 36 đến điều 46)
 - Mục 4: Giám đốc và người điều hành khác gồm 04 điều (từ điều 47 đến điều 50).
 - Mục 5: Ban Kiểm soát gồm 04 điều (từ điều 51 đến điều 54).
 - Mục 6: Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc và những người điều hành khác gồm 03 điều (từ điều 55 đến điều 57).



Mục 7: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty gồm 01 điều (điều 58).

Mục 8: Công nhân viên và công đoàn gồm 01 điều (điều 59).

- Chương IV: Cơ chế tài chính

Mục 1: Phân phối lợi nhuận gồm 01 điều (điều 60).

Mục 2: Tài khoản Ngân hàng, quỹ dự trữ, năm tài chính và chế độ kế toán gồm 03 điều (từ điều 61 đến điều 63)

Mục 3: Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và trách nhiệm công bố thông tin gồm 02 điều (từ điều 64 đến điều 65).

Mục 4: Kiểm toán Công ty gồm 01 điều (điều 66).

Mục 5: Chấm dứt hoạt động và thanh lý gồm 02 điều (từ điều 67 đến điều 68).

Mục 6: Giải quyết tranh chấp nội bộ gồm 01 điều (điều 69).

Mục 7: Bổ sung và sửa đổi điều lệ gồm 01 điều (điều 70).

Mục 8: Ngày hiệu lực gồm 01 điều (điều 71).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng với những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ như trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK, VT.



Cao Trung Ngoan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

*(Sửa đổi, bổ sung lần thứ tư theo
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)*



Hải Phòng, tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

MỤC 2: MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của Công ty

Điều 4. Con dấu

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Điều 6. Mục tiêu của Công ty

Điều 7. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động

Điều 8. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Điều 9. Quản lý nhà nước

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 11. Vốn điều lệ

Điều 12. Tăng, giảm vốn điều lệ

Điều 13. Cổ phần

Điều 14. Chào bán cổ phần

Điều 15. Mua lại cổ phần

Điều 16. Thu hồi cổ phần

Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 18. Thừa kế cổ phần

Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông

Điều 20. Chứng nhận cổ phiếu

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 21. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

MỤC 2:CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Quyền của cổ đông

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông

Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 26. Đại diện theo ủy quyền

Điều 27. Thay đổi các quyền

Điều 28. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 30. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 31. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 32. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

MỤC 3:HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 42. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Điều 44. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 45. Người phụ trách quản trị công ty

Điều 46. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

MỤC 4: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 47. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 48. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 52. Kiểm soát viên

Điều 53. Ban kiểm soát

Điều 54. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

MỤC 6: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

MỤC 7: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 59. Công nhân viên

CHƯƠNG IV. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 60. Phân phối lợi nhuận

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 61. Tài khoản ngân hàng

Điều 62. Năm tài chính

Điều 63. Chế độ kế toán

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 64. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 65. Báo cáo thường niên

MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 66. Kiểm toán

MỤC 5: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 67. Chấm dứt hoạt động

Điều 68. Thanh lý

MỤC 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 69. Giải quyết tranh chấp nội bộ

MỤC 7: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 70. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty

MỤC 8: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 71. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng. Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng ngày 16 tháng 4 năm 2018.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **"Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng"** sau đây được gọi tắt là "Công ty";

b. **"Vốn điều lệ"** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán, được ghi vào Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Vốn điều lệ có thể thay đổi trong từng thời kỳ, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật;

c. **"Luật Doanh nghiệp"** là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

d. **"Luật Chứng khoán"** là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010.

e. **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

f. **"Người quản lý"** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;

g. **"Người điều hành doanh nghiệp"** là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

h. **"Người có liên quan"** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

i. **"Người đại diện theo ủy quyền tại Công ty"** là cá nhân được cổ đông tổ chức ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan và Điều lệ này;

j. **"Pháp luật"** là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản pháp luật này.

k. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

l. **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều lệ này;

m. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt : **Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng**
- Tên giao dịch quốc tế : **Haiphong Port Tugboat and Transport Joint Stock Company**
- Tên viết tắt tiếng Anh : **HP TUGTRANCO**
- Loại hình công ty : Công ty cổ phần

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 4 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-225) 3569.873
- Fax : (84-225) 3747.073
- E-mail : info@tugtranco.vn
- Website : www..tugtranco.vn
- Logo :



3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 67 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của Công ty

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mỗi cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn mà cổ đông đó đã góp vào Công ty.

3. Công ty có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác; quản lý, chỉ đạo, chi phối các doanh nghiệp khác theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Công ty có:

a. Con dấu riêng; được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước, các ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

b. Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp khác trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.

c. Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có trách nhiệm ban hành quy chế nội bộ về sử dụng con dấu của Công ty, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của Công ty.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư

cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Mục tiêu của Công ty

1. Phát triển Công ty thành nhà cung cấp dịch vụ lai dắt và hỗ trợ tàu biển, phương tiện vận tải thủy chuyên nghiệp hàng đầu trong cả nước;
2. Kinh doanh có lãi, bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư tại Công ty.
3. Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.
4. Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.

Điều 7. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm các hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này và các hoạt động khác phù hợp quy định của pháp luật.
2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty là ở cả trong và ngoài nước.

Điều 8. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy; Hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến; Trục vớt tàu, thuyền; Hoạt động cứu hộ, cứu nạn	5222 (chính)
2	Bốc xếp hàng hóa	5224
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô-tô, xe container	4933
4	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
5	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Chi tiết: Dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng hóa; Dịch vụ chuyển tải hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	5229
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221

8	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê tàu lai	7730
9	Đại lý, môi giới, đấu giá Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm)	4610
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
11	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng thuyền viên đi làm việc tại nước ngoài)	7830
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Khai thác cảng, kinh doanh kho bãi	6810
13	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	3900

Điều 9. Quản lý nhà nước

1. Công ty chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật.
2. Công ty thực hiện nghĩa vụ với địa phương nơi đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 11. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 27.000.000.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ đồng).

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật.

Công ty phải bảo đảm rằng Điều lệ này và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi một cách hợp pháp để phản ánh việc tăng, giảm vốn điều lệ.

2. Các hình thức tăng vốn điều lệ của Công ty:

- a. Phát hành cổ phần ra công chúng, phát hành cổ phần riêng lẻ để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp phát hành cổ phần để trả cổ tức;
- b. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần (nếu có);
- c. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Công ty:

- a. Công ty mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phần đã phát hành có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm; và
- b. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

4. Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 13. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng*). Số lượng cổ phần của Công ty bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.

2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 2.700.000 cổ phần (*Bằng chữ: Hai triệu, bảy trăm nghìn cổ phần*).

3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo các điều kiện do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi được cơ quan nhà nước chấp thuận và phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 14. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần

trong số cổ phần được quyền chào bán theo phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất (bao gồm giá trị vốn điều lệ, các quỹ không chia), trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;
- b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- c. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó nếu được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp giá bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần, phần chênh lệch sau khi trừ chi phí được hạch toán vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây (trừ khi các văn bản pháp luật có liên quan quy định khác):

- a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ đã đăng ký. Đồng thời Công ty sẽ đăng báo việc tăng vốn trên 03 (ba) số báo liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

- b. Thông báo gửi cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành.

- c. Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

- d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như đã thông báo (được xác định theo dấu bưu điện hoặc ngày trực tiếp gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu của Công ty) thì cổ đông có liên quan coi như từ bỏ quyền ưu tiên mua cổ phần. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông đăng ký mua hết thì số cổ phần đó sẽ do Hội đồng quản trị quyết định xử lý. Hội đồng quản trị có thể

phân phối số cổ phần đó cho cổ đông khác của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán và người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty, Công ty phải phát hành và trao chứng nhận cổ phiếu cho người mua. Tuy nhiên, Công ty có thể bán cổ phần mà không trao chứng nhận cổ phiếu (trường hợp Công ty không phát hành chứng nhận cổ phiếu hoặc cổ đông đề nghị Công ty lưu giữ). Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

5. Các quy định khác về điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có liên quan.

6. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán ra, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời

hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

d. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này mà vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định (nếu có); trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được coi là cổ phần thu về (cổ phiếu quỹ) và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

c) Chứng nhận cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy chứng nhận cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong

sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 16. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. Việc xác định lãi suất chậm thanh toán tiền mua cổ phần theo thỏa thuận giữa Công ty và cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thông báo thanh toán tiền mua cổ phần nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới nhưng không ít hơn bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

4. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Công ty quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thanh toán thực tế. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.

5. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành

công ty cổ phần.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của bên nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 18. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại Sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước hoặc số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc theo quy

định của VSD (khi Công ty lưu ký cổ phần tại VSD). Trường hợp cổ đông có các thay đổi thông tin tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải thông báo cho Công ty để điều chỉnh trong Sổ đăng ký cổ đông. Nếu Công ty không nhận được thông báo thay đổi, tất cả thông báo, tuyên bố hoặc thông tin khác sẽ được Công ty gửi cho cổ đông theo địa chỉ mới nhất ghi trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc theo thông báo của VSD.

4. Cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần trở lên của Công ty phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 20. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;

e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;

g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

h. Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành Chứng nhận cổ phiếu tương ứng; Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này; và các nội dung khác theo quy định của pháp luật. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí Chứng nhận cổ phiếu sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo quy định của điều khoản phát hành hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị Công ty ban hành);

3. Công ty có thể trực tiếp hoặc gián tiếp, quản lý Chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông hoặc cấp Chứng nhận cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, mất, bị cháy hoặc bị tẩy xóa, tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông

phải báo ngay và đề nghị Công ty cấp lại Chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

4. Cổ phần do các cổ đông sở hữu sẽ được ghi nhận dưới hình thức bút toán ghi sổ. Việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phần khi đó sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 21. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang bằng nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f. Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty; Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

h. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

i. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

j. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

k. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

l. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các quyền theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có thêm các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 36 và khoản 2 Điều 51 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên,

mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ tiền mua số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Công ty quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

5. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp;

6. Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật;

7. Không được sử dụng cổ phần, chứng nhận cổ phiếu làm tài sản thế chấp, cầm cố tại Công ty;

8. Bảo vệ uy tín, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;

9. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

10. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

11. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
12. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, hoặc không quá sáu (06) tháng nếu được sự gia hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- h. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - 1. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm n khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
- 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có ủy quyền theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 27. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc

qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 29 và Điều 32 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 28. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu

không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 30. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền tiếp cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia với tư cách cá nhân mình.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì cổ đông này gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp luật về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người dự họp theo quy định của pháp luật.

3. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty quy định tại Điều 26 Điều lệ này. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền này trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 31. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên cổ đông, họ và tên người đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại

hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu tối thiểu 03 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại đại hội sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản

đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;

- d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 60% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa là năm (05) người, bao gồm thành viên chuyên trách và không chuyên trách. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được chấp thuận của Hội đồng quản trị;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
 - h. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng quý/sáu (06) tháng/năm, kế hoạch sử dụng lao động hằng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty theo đề nghị của Giám đốc.
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

e. Chấp thuận đề Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương; chấp thuận đề Giám đốc quyết định khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, quyền lợi khác của họ;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty; Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;

h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

k. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

n. Xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

p. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

q. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu của Công ty;

r. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;

s. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

t. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

u. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

v. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

w. Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

x. Quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

y. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ba tỷ (03) đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh, quản trị hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng

cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty có vốn đầu tư của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bãi miễn.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức danh Giám đốc của Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết đó; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
 - f. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
 - g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của họ;
 - i. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần; Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - j. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Công ty với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - k. Ủy quyền, phân công cho một trong số thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;
 - l. Trình Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - m. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó;

f. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty có vốn góp của Công ty.

Điều 42. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao thì các thành viên này bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc có thể họp định kỳ hoặc bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị họp nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này

có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 56 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải

đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của các thành viên của các tiểu ban này và cơ chế làm việc của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 45. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm **Trợ lý** Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Hội đồng quản trị và các tiểu ban của Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Công ty mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một người quản lý nào của Công ty.

MỤC 4: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 47. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 48. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Giám đốc chỉ được ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty sau khi có Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương; quyết định khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, quyền lợi khác của họ sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận;

g. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác;

h. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;

i. Quyết định việc mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định/chấp thuận của Hội đồng quản trị;

j. Vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

1. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc

1. Giám đốc Công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Là cư dân thường trú tại Việt Nam;
 - b. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - c. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;
 - d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
 - e. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty;
 - f. Không đồng thời làm Tổng Giám đốc/Giám đốc của doanh nghiệp khác;
 - g. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm khác theo quy định pháp luật và quy định Công ty.
2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b. Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c. Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - d. Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

3. Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - c. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 30 (ba mươi) ngày;
 - d. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của Công ty;
 - f. Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;
 - g. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế được quy định tại Điều lệ này;
 - h. Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Kiểm soát viên được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Kiểm soát viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Kiểm soát viên được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 52. Kiểm soát viên

1. **Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người.** Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 53. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

i. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

j. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

k. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

l. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

m. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

n. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

o. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí

phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Điều 54. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban kiểm soát có quyền thuê các nhân viên và tư vấn bên ngoài, kế toán viên độc lập hoặc các nhà tư vấn khác khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chính chi phí của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật mà không phải xin ý kiến trước của bất kỳ người quản lý nào của Công ty.

MỤC 6: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên

quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích

của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp

luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 59. Công nhân viên

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 60. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 61. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 62. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 63. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 64. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 66 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 65. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 66. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC 5: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 67. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 68. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 69. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 7: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 70. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC 8: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 71. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 71 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng nhất trí thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng thông qua ngày 30/01/2010; Phụ lục sửa đổi bổ sung năm 2015 và Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ ba được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng thông qua ngày 28/06/2017.

3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;
- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 4 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

a. “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng;

b. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ của Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và chấp thuận ban hành;

c. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng;

d. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng;

e. “Ban kiểm soát” hoặc “BKS” có nghĩa là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng;

f. “Ban điều hành” bao gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc của Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng;

g. “Người điều hành Công ty” bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

h. “Người quản lý Công ty” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;

h. UBCKNN có nghĩa là Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

i. SGDCK có nghĩa là Sở Giao dịch chứng khoán;

k. TTLKCK có nghĩa là Trung tâm lưu ký chứng khoán;

2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị nội bộ Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực đạo đức về hành vi, đạo đức nghề nghiệp

của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông thường niên

Để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Đại hội), Hội đồng quản trị cần thực hiện một số hoạt động sau:

1. Xây dựng nội dung, chương trình Đại hội

a. Hội đồng quản trị Công ty cần thống nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành Đại hội:

- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- Thành lập Tổ giúp việc, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử);

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có đề xuất bổ sung nội dung chương trình làm việc tại Đại hội, đề xuất này phải gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp và phải tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 4 điều 28 Điều lệ Công ty. Sau khi xem xét các kiến nghị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định:

- Từ chối kiến nghị của cổ đông nếu nội dung và thủ tục kiến nghị vi phạm pháp luật hiện hành và quy định của Công ty. Việc Hội đồng quản trị từ chối kiến nghị và lý do từ chối phải được thông báo hoặc gửi văn bản trả lời đến cổ đông đã đưa ra kiến nghị.

- Đưa các kiến nghị hợp lệ vào các nội dung riêng biệt trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Xác định thời gian và địa điểm họp.

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra một năm một lần. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên là

trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty.

b. Hội đồng quản trị sẽ quyết định địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông căn cứ vào số lượng thành viên tham dự và điều kiện tài chính của Công ty.

3. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

a. Hội đồng quản trị thành lập Ban tổ chức giúp việc Đại hội đồng cổ đông để tham mưu, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác tổ chức Đại hội;

b. Tài liệu phục vụ Đại hội do Thư ký Công ty tổng hợp trên cơ sở tài liệu do các phòng chuyên môn cung cấp dưới sự giám sát trực tiếp của Người phụ trách quản trị Công ty (nếu có) và Tổ trưởng Ban tổ chức giúp việc Đại hội đồng cổ đông;

c. Tài liệu phục vụ Đại hội phải là tài liệu đã được Hội đồng quản trị thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố;

d. Trong các trường hợp Đại hội không do Hội đồng quản trị triệu tập, Người triệu tập Đại hội có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập Đại hội hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

4. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội.

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời dự họp Đại hội đồng cổ đông. Các thông tin cơ bản về cổ đông:

- Họ và tên;

- Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại;

- Số và ngày đăng ký cổ đông;

- Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có.

b. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội phải được gửi tới UBCKNN, TTLKCK, SGDCK chậm nhất mười (10) ngày trước ngày chốt danh sách.

5. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Sau khi chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự, Công ty gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, cụ thể như sau:

a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, UBCKNN, SGDCK.

b. Các tài liệu liên quan đến cuộc họp được đính kèm Thông báo mời họp để gửi tới các cổ đông và đồng thời đăng tải trên các trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm các tài liệu cơ bản sau:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Mẫu phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội.

c. Thông tin cơ bản trong thông báo mời họp: Địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên và địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

d. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

6. Khách mời tham dự cuộc họp (không phải là cổ đông của Công ty)

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể mời một số chủ thể khác không sở hữu cổ phần của Công ty tới tham dự cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Thủ tục đăng ký cổ đông được thực hiện trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định, và phải thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Vào ngày tổ chức Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tiến hành đăng ký việc dự họp tại bàn đăng ký và người phụ trách việc Đăng ký phải có một bản danh sách Cổ đông có quyền dự họp để đối chiếu, theo dõi và điều chỉnh trong trường hợp có chuyển nhượng cổ phần, thừa kế.

2. Người đăng ký dự họp phải xuất trình Thông báo mời họp, Chứng minh thư/thẻ căn cước/hộ chiếu, giấy tờ chứng minh việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty, nhận thừa kế và giấy uỷ quyền (đối với người là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông).

3. Khi đăng ký dự họp, người dự họp là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là cá nhân/tổ chức phải xuất trình Giấy uỷ quyền theo quy định tại khoản 2 điều 26 Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp, cổ đông có nhiều hơn một người là đại diện theo uỷ quyền tham dự cuộc họp thì trong Giấy uỷ quyền phải ghi rõ số cổ phần được quyền biểu quyết của từng người đại diện theo uỷ quyền.

5. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

6. Sau khi đăng ký dự họp, cổ đông/người được uỷ quyền được phát tài liệu họp và các tài liệu liên quan khác.

Điều 6. Tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên

1. Đại hội tiến hành chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu và thông qua Nội quy Đại hội.

2. Đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tham dự cuộc họp.

3. Đại hội thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch.

Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa Đại hội đồng thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong

số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

4. Đại hội thông qua danh sách Ban Thư ký do Đoàn Chủ tịch giới thiệu. Ban Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và ủy viên. Thư ký đại hội phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực diễn biến nội dung buổi làm việc của Đại hội, những vấn đề đã được cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;

- Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua;

- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch.

5. Đại hội thông qua danh sách Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu. Số lượng thành viên Ban kiểm phiếu tuân theo quy định pháp luật hiện hành. Ban kiểm phiếu phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau đây:

- a. Thành viên Ban kiểm phiếu không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát công ty trong các kỳ Đại hội;

- b. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên;

- c. Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử.

- d. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm:

- Trình bày Quy chế bầu cử để Đại hội thông qua, danh sách đề cử và ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Hướng dẫn sử dụng phiếu bầu cử;

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu và báo cáo về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội một cách trung thực, chính xác. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này được đưa vào phụ lục của báo cáo;

6. Đại hội thông qua nội dung chương trình nghị sự

a. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trình bày nội dung chương trình họp tới các đại biểu. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc;

b. Các nội dung cơ bản phải được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong năm tài chính và phương hướng kinh doanh năm kế tiếp;

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;

- Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

- Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và đề xuất thù lao cho năm tài chính mới;

- Đề xuất phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức;

- Danh sách công ty kiểm toán dự định lựa chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính mới;

Ngoài các nội dung cơ bản nêu trên, Đại hội sẽ thảo luận các nội dung khác trong danh sách chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua.

c. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được kèm theo Thông báo mời họp;

d. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

7. Thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự

a. Các câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời trực tiếp tại hội nghị. Trường hợp không thể trả lời trực tiếp tại hội nghị, Công ty cần có văn bản trả lời cổ đông sau cuộc họp;

b. Người điều hành và Người quản lý của Công ty có trách nhiệm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của cổ đông hoặc phân công nhiệm vụ của Chủ tọa;

c. Chủ tọa được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng với các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp.

8. Cách thức bỏ phiếu

a. Cổ đông sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu bầu được phát khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự Đại hội để biểu quyết, bỏ phiếu đối với từng nội dung được thảo luận tại Đại hội; Trên thẻ biểu quyết, phiếu bầu phải có các thông tin cơ bản sau: mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy

quyền), danh sách ứng viên cần bầu (đối với phiếu bầu) và được đóng dấu treo của Công ty;

b. Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức biểu quyết công khai theo sự điều khiển của Chủ tọa; Đối với việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại quy chế bầu cử đã được Đại hội thông qua tại ngày họp;

c. Tỷ lệ phiếu tán thành cần thiết để thông qua mỗi nội dung được thảo luận tại Đại hội tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Cách thức kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu xác định số lượng thẻ biểu quyết tán thành, thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến;

b. Căn cứ số lượng cổ đông tham gia, thời gian thực hiện, Ban kiểm phiếu thực xác định số lượng thẻ biểu quyết bằng hình thức linh hoạt, phù hợp;

c. Trong thời gian Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội tiếp tục thảo luận các nội dung khác.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Quy định này không áp dụng cho việc thông báo kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình;

b. Yêu cầu của cổ đông phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại, dự định giá bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định trên;

c. Công ty có trách nhiệm phải mua lại số cổ phần nêu trên. Thẩm quyền quyết định mua lại cổ phần của cổ đông trong trường hợp này được xác định như sau:

- Hội đồng quản trị quyết định việc mua lại trong trường hợp tổng số cổ phần cổ đông/các cổ đông yêu cầu Công ty mua lại có giá trị nhỏ hơn 35% tổng

giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;

- Các trường hợp còn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

d. Cách thức xác định giá trị cổ phần tuân thủ theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 15 Điều lệ Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

a. Trách nhiệm lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thuộc về Thư ký cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và hợp pháp của nội dung biên bản;

b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;

c. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (và Biên bản kiểm phiếu nếu có thủ tục bầu cử) phải được công bố trên website của Công ty, gửi đến UBCKNN và SGDCCK trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

13. Thủ tục công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

a. Đại diện Ban thư ký trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết cuộc họp tại Đại hội;

b. Chủ tọa điều hành Đại hội xem xét, bổ sung nội dung Dự thảo Biên bản và Nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã thảo luận.

c. Chủ tọa điều hành Đại hội thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết cuộc họp tại Đại hội.

14. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi Đại hội đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;

b. Kết quả biểu quyết đã được công bố;

c. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có các nội dung sau:

a. Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Thu nhập của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

c. Tổng hợp các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.;

d. Hoạt động của các tiểu ban khác của Hội đồng quản trị;

e. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và đối với những người điều hành khác;

f. Các kế hoạch tương lai.

Ngoài các nội dung trên, Hội đồng quản trị Công ty có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có các nội dung sau:

a. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

d. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và đối với những người điều hành khác;

f. Kết quả đánh giá phối hợp giữa hoạt động Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

Ngoài các nội dung trên Ban kiểm soát có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết hoặc pháp luật có quy định khác

Điều 8. Đại hội cổ đông bất thường

1. Các trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại khoản 3 điều 24 Điều lệ Công ty.

2. Chuẩn bị họp Đại hội cổ đông bất thường

a. Trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bao gồm thẩm quyền, thời gian triệu tập được quy định tại khoản 4 điều 24 Điều lệ Công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

c. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Yêu cầu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

- Chủ thể yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không có quyền này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế này có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về đầu tư giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Đề nghị phải lập bằng văn bản và gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính công ty;

- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Danh sách cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, gồm họ và tên (đối với cá nhân), tên và địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân), số cổ phần phổ thông và tỷ lệ sở hữu, ngày và số đăng ký cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông;

- Lý do triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thời gian và địa điểm họp;

- Chữ ký của tất cả cổ đông, nhóm cổ đông triệu tập họp.

e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Người triệu tập phải thực hiện công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

b. Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

c. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- d. Xác định thời gian và địa điểm dự họp;
- e. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
- f. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

4. Trình tự, thủ tục tổ chức và thông qua các nội dung tại Đại hội cổ đông bất thường thực hiện như Đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại điều 32 Điều lệ Công ty.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được yêu cầu hủy bỏ theo quy định tại điều 35 Điều lệ Công ty.

3. Trong trường hợp việc yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông xảy ra tranh chấp, việc lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp sẽ tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 10. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty được quy định tại điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Thông báo về lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Lập danh sách cổ đông cần lấy ý kiến bằng văn bản. Quy trình lập danh sách thực hiện như đối với công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết gửi đến các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu liên quan đến cổ đông thực hiện như việc gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Nội dung Phiếu lấy ý kiến được quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Công ty;

d. Phương thức gửi lại Phiếu lấy ý kiến, cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả tuân thủ quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 điều 33 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa năm (05) người, do Đại hội cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định trong Điều lệ Công ty;

b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị bao gồm thành viên chuyên trách hoặc không chuyên trách;

b. Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 18 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

d. Trong trường hợp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu Giám đốc và người điều hành khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của tổ chức đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty;

e. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc. Hạn chế này sẽ được bãi bỏ khi pháp luật có quy định khác;

f. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác. Hạn chế này sẽ được bãi bỏ khi pháp luật có quy định khác.

Điều 12. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng viên phải được công bố công khai, rõ ràng tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc hình thức hợp pháp khác để các cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Các thông tin cần phải công bố bao gồm:

- Họ và tên của ứng viên;
- Họ tên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó;
- Ngày tháng năm sinh và trình độ học vấn của ứng viên;
- Kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên;
- Những vị trí công tác mà ứng viên đã đảm nhiệm trong vòng 5 năm qua;
- Vị trí công tác mà ứng viên đang đảm nhiệm;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp ứng viên đó được tái bổ nhiệm;
- Việc ứng viên được đề cử, đang nắm giữ chức vụ thành viên trong Hội đồng quản trị của các công ty khác;
- Quan hệ của ứng viên với những Người có liên quan, các đối tác kinh doanh chính của Công ty.

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Tỷ lệ đề cử tuân thủ quy định tại khoản 2 điều 36 Điều lệ Công ty;

b. Cá nhân không phải cổ đông của Công ty có quyền ứng cử thành viên Hội đồng quản trị khi đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty;

c. Trường hợp số lượng ứng viên đã đủ, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền giới thiệu thêm ứng viên nằm ngoài danh sách Công ty đã công bố hoặc cá nhân không phải là cổ đông có quyền ứng cử ngay tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét chấp thuận/không chấp thuận đề xuất này.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo cơ chế được công bố tại Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi tiến hành đề cử. Cơ chế đề cử phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

a. Ứng viên được Hội đồng quản trị đề cử thêm phải có mặt tại Đại hội cổ đông;

b. Ứng viên phải báo cáo trước Đại hội thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 điều 12 Quy chế này;

c. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn của ứng viên. Ứng viên có trách nhiệm trả lời trực tiếp tại Đại hội;

d. Thời gian để thực hiện các nội dung tại điểm b, c cho mỗi cá nhân tối đa là mười (10) phút.

5. Tiêu chuẩn ứng cử viên Hội đồng quản trị được đánh giá dựa trên các tiêu chí theo quy định tại khoản 3 điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử được xác định theo số phiếu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ số cổ đông thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp:

a. Không đáp ứng các tiêu chuẩn về thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế này;

b. Sức khỏe không đảm bảo hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là đã chết;

c. Do nhu cầu công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d. Lý do khác được cấp có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm chấp thuận.

e. Có đơn từ chức;

f. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g. Là đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Vi phạm một trong những tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị quy định theo pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và Quy chế này;

b. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

c. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết, phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty xin từ chức phải có văn bản trình bày.

5. Trừ trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị ban hành Quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại cuộc họp gần nhất.

6. Việc thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a. Việc bầu bổ sung/thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được thực hiện tại Đại hội cổ đông gần nhất;

b. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị thay đổi theo quy định tại điểm c khoản 3 điều 24 Điều lệ Công ty, Công ty phải tổ chức Đại hội cổ đông bất thường để bầu bổ sung/thay thế thành viên Hội đồng quản trị. Thẩm quyền triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong trường hợp này được quy định tại khoản 4 điều 24 Điều lệ Công ty;

c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị Công ty phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bãi nhiệm/ miễn nhiệm.

7. Thành viên Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội cổ đông chấp thuận miễn nhiệm/ bãi nhiệm viên, sẽ bị xem xét quy kết trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

8. Việc công bố thông tin liên quan đến sự thay đổi về thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

Điều 14. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị được xây dựng theo quý, theo các kỳ họp và hàng năm theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu công tác của Công ty.

2. Căn cứ vào nghị quyết, chương trình công tác của Hội đồng quản trị và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 15. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau, các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ tối thiểu ba (03) tháng một lần. Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp bất thường khi cần thiết như quy định tại các khoản 3, 4 và 5 điều 42 Điều lệ Công ty.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại Trụ sở chính của Công ty. Hội đồng quản trị có thể họp tại những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp Hội đồng quản trị, song đối với các cuộc họp thường kỳ phải bao gồm các vấn đề cơ bản sau:

- Báo cáo công việc đã thực hiện giữa hai kỳ họp, kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị trong kỳ tới.

- Báo cáo của Giám đốc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của kỳ vừa qua, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ tới.

- Trưởng ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát và cảnh báo với hoạt động của Công ty.

6. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định song ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể mời Giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết. Thành viên dự họp không là thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Các thành viên được mời dự họp đều được nhận thông báo mời họp và tài liệu kèm theo.

7. Hình thức cuộc họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện trên phương tiện liên lạc thông tin (như điện thoại....) sẽ áp dụng theo quy định tại khoản 9 điều 42 Điều lệ Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến tham dự họp theo quy định tại Điều lệ Công ty;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua Hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác tương tự;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Điều 16. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tọa thông qua nội dung tài liệu cuộc họp đã gửi đến các thành viên dự họp và yêu cầu các cá nhân đã được phân công nhiệm vụ báo cáo các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp.

2. Điều hành cuộc họp Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa điều hành các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

b. Trong trường hợp Chủ tịch không thể thực hiện nhiệm vụ điều hành cuộc họp, Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị điều hành cuộc họp;

c. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện nhiệm vụ và không có văn bản ủy quyền, các thành viên Hội đồng quản trị bầu một thành viên thực hiện vai trò điều hành cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Cách thức biểu quyết:

a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

c. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4. Cách thức ghi Biên bản họp Hội đồng quản trị:

a. Thư ký phiên họp phải lập biên bản cuộc họp phản ánh khách quan, trung thực diễn biến cuộc họp và kết luận của cuộc họp;

b. Các điều kiện về nội dung, hình thức của Biên bản họp tuân thủ quy định tại điều 43 Điều lệ Công ty;

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được chuyển cho các thành viên và là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

6. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Thư ký Công ty chịu trách nhiệm quản lý, lưu giữ Biên bản họp Hội đồng quản trị.

7. Trong trường hợp cần phải lập Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, nếu có sự khác nhau về nội dung Biên bản thì nội dung trong Biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Điều 17. Thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành Nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Thư ký Công ty có trách nhiệm hoàn thiện nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị trình Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc thành viên khác trong Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền ký duyệt).

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm lưu giữ bản gốc và bản sao các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi tới các thành viên và cá nhân có liên quan.

5. Việc công bố toàn phần hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và gửi các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý

kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã được đăng ký của từng thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ lấy ý kiến có thể gửi đến thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử (E-mail).

3. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây: tên Công ty; mục đích lấy ý kiến; vấn đề cần lấy ý kiến; phương thức biểu quyết; thời hạn lấy ý kiến; các tài liệu giải trình có liên quan.

4. Thư ký Công ty chịu trách nhiệm tập hợp kết quả xin ý kiến, tổng hợp nội dung và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Nghị quyết/quyết định được thông qua bằng cách lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết/quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên được lấy ý kiến biểu quyết về vấn đề đó. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Phiếu ý kiến đã được thành viên Hội đồng quản trị trả lời và ký xác nhận, bản tổng hợp nội dung các ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị, Nghị quyết/Quyết định được thông qua và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Cơ cấu của tiểu ban:

a. Tối thiểu có ba (03) thành viên;

b. Gồm các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên ngoài Hội đồng quản trị;

c. Số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban.

3. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, Trưởng tiểu ban:

a. Cá nhân không phải là thành viên Hội đồng quản trị được giới thiệu làm thành viên tiểu ban phải được đào tạo chuyên môn và đang thực hiện công tác liên quan đến công việc tiểu ban phải thực hiện.

b. Trưởng ban của các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

c. Trưởng ban các tiểu ban khác có thể là thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành.

4. Hoạt động của tiểu ban:

a. Nhiệm vụ, nội dung, giới hạn thẩm quyền hoạt động của tiểu ban được ghi trong Quyết định thành lập;

b. Tiểu ban hoạt động dưới sự chỉ đạo của Trưởng ban

c. Định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Trưởng ban có trách nhiệm báo cáo kết quả công việc đang thực hiện;

d. Chi phí hoạt động của các tiểu ban được xác định là chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Điều 20. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

4. Không phải là nhân viên trong bộ phận Tài chính kế toán của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

5. Các tiêu chuẩn khác theo qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Cá nhân không phải là cổ đông của Công ty có quyền ứng cử chức danh Kiểm soát viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn và Công ty có nhu cầu.

3. Trường hợp số ứng viên đã đủ, tại cuộc họp Đại hội cổ đông, cổ đông có quyền giới thiệu thêm ứng viên nằm ngoài danh sách Công ty đã công bố hoặc cá nhân không phải là cổ đông có quyền ứng cử ngay tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét chấp thuận/ không chấp thuận đề xuất này.

4. Trường hợp các ứng viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo cơ chế được công bố tại Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi tiến hành đề cử. Cơ chế đề cử phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

a. Ứng viên được Ban kiểm soát đề cử thêm phải có mặt tại Đại hội cổ đông;

b. Ứng viên phải báo cáo trước Đại hội thông tin cá nhân tương tự ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 điều 12 Quy chế này;

c. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn của ứng viên. Ứng viên có trách nhiệm trả lời trực tiếp tại Đại hội;

d. Thời gian để thực hiện các nội dung quy định tại điểm b,c cho mỗi cá nhân tối đa là mười (10) phút.

Điều 22. Cách thức bầu Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và được hướng dẫn cụ thể Quy chế bầu cử tại mỗi kỳ Đại hội cổ đông.

Điều 23. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Miễn nhiệm Kiểm soát viên

a. Không đáp ứng các tiêu chuẩn về thành viên Ban kiểm soát quy định tại Quy chế này;

b. Sức khỏe không đảm bảo hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là đã chết;

c. Do nhu cầu công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d. Lý do khác được cấp có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm chấp thuận;

e. Có đơn từ chức.

2. Bãi nhiệm Kiểm soát viên

a. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được chấp thuận của Ban kiểm soát;

- b. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 24. Công bố thông tin về việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát

Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V

GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

Điều 25. Ban điều hành Công ty

1. Ban điều hành Công ty bao gồm: một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc. Các chức danh này do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng người điều hành phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế của Công ty tại từng thời điểm.

3. Giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất trong Ban điều hành của Công ty.

Điều 26. Tiêu chuẩn cơ bản của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

1. Tiêu chuẩn của Giám đốc

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b. Có trình độ chuyên môn, có ba (03) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- c. Không là thành viên Ban kiểm soát Công ty; nhưng có thể là thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
- d. Không có quan hệ vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột, bố mẹ vợ/chồng đối với người có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh này;
- e. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành, cụ thể:
 - Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
 - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ

những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp Nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

f. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật phá sản hiện hành, cụ thể:

- Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước mà doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ quản lý ở bất kỳ doanh nghiệp nào có vốn của Nhà nước;

- Người giữ chức vụ quản lý của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản mà có ý vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 48 của Luật phá sản hiện hành thì không được làm người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản;

- Không xem xét các tiêu chuẩn trên trong trường hợp doanh nghiệp mà cá nhân đó quản lý bị phá sản vì lý do bất khả kháng.

g. Không đồng thời làm Tổng Giám đốc/Giám đốc của doanh nghiệp khác;

h. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên và các kỹ năng tổ chức quản lý;

i. Có kinh nghiệm trong công tác quản lý phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty; khuyến khích các cá nhân có kiến thức chính trị, pháp lý, xã hội, xu hướng thị trường;

k. Ưu tiên các cá nhân đã có thành tích tốt trong công tác quản lý, điều hành;

l. Có khả năng giao tiếp, đối nội - đối ngoại tốt; đảm bảo sức khỏe để thực hiện công tác trong nhiệm kỳ;

m. Tuổi bổ nhiệm lần đầu dưới 55 đối với nam, dưới 50 đối với nữ. Trường hợp đặc biệt có thể xem xét về tuổi và phải được sự nhất trí thông qua của Hội đồng quản trị.

2. Các tiêu chuẩn cụ thể về chức danh Phó Giám đốc do Giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

3. Tiêu chuẩn của Kế toán trưởng

a. Kế toán trưởng là cán bộ nhân viên Công ty:

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ nguyên tắc, chính sách, chế độ kinh tế, tài chính và pháp luật của Nhà nước;

- Phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ đại học trở lên;

- Tuổi bổ nhiệm lần đầu dưới 55 đối với nam, dưới 50 đối với nữ. Trường hợp đặc biệt có thể xem xét về tuổi và phải được sự nhất trí thông qua của Hội đồng quản trị;

- Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm kinh nghiệm thực tế;

- Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Luật Kế toán;

b. Tiêu chuẩn ứng viên được thuê làm Kế toán trưởng.

- Là người đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có Chứng chỉ hành nghề kế toán theo quy định của Luật Kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Chính phủ về Kiểm toán độc lập;

- Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của Bộ Tài chính;

- Có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc có đăng ký hành nghề kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật;

- Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định của Luật Kế toán.

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

1. Bổ nhiệm

a. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty;

Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm;

b. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm các chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc;

Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng là năm (05) năm;

2. Miễn nhiệm, cách chức

a. Hội đồng quản trị quyết định miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong các trường hợp sau:

- Năng lực hành vi dân sự hạn chế;
- Sức khỏe không đảm bảo;
- Do nhu cầu công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Các lý do khác được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chấp thuận.

b. Hội đồng quản trị quyết định cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao; không đủ năng lực, uy tín mà theo yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;

- Có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty;

- Các lý do khác gắn với yếu tố chủ quan, là lỗi do cá nhân đó gây nên.

3. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty muốn xin từ chức phải có văn bản gửi về Hội đồng quản trị Công ty ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc.

4. Kéo dài thời hạn giữ chức vụ quản lý hoặc tái bổ nhiệm

a. Trường hợp cá nhân không còn đủ năm (05) năm công tác là đến thời điểm nghỉ hưu thì:

- Cá nhân sẽ được Công ty xem xét tái bổ nhiệm nếu còn từ đủ ít nhất ba (03) năm công tác cho đến thời điểm nghỉ hưu;

- Các trường hợp còn lại, cá nhân sẽ được Công ty xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ.

b. Việc kéo dài thời hạn giữ chức vụ quản lý hoặc tái bổ nhiệm phải dựa trên các điều kiện cơ bản sau đây:

- Nhu cầu của Công ty trong các điều hành, quản lý;

- Năng lực và thành tích của cá nhân trong nhiệm kỳ;

- Được sự đồng ý chấp thuận của Hội đồng quản trị.

6. Việc miễn nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức đối với thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng của Công ty phải được công bố thông tin trên website của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCCK.

Điều 28. Thuê Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Giám đốc

- a. Việc thuê người làm Giám đốc phải do Hội đồng quản trị quyết định;
- b. Ứng viên được thuê làm Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 26 Quy chế này;
- c. Chi phí thuê người làm Giám đốc theo thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ ký trực tiếp với cá nhân đó;
- d. Trong trường hợp người được thuê vi phạm các quy định trong hợp đồng thì bị chấm dứt hợp đồng. Thủ tục chấm dứt hợp đồng thuê người làm Giám đốc thực hiện như thủ tục ký hợp đồng;

2. Kế toán trưởng

- a. Việc thuê người làm Kế toán trưởng phải do Hội đồng quản trị quyết định;
- b. Tiêu chuẩn ứng viên được thuê làm Kế toán trưởng được quy định tại điểm b khoản 3 điều 26 Quy chế này;
- c. Chi phí thuê người làm Kế toán trưởng theo thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ với doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán hoặc trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ với người được thuê có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán.
- d. Trong trường hợp người được thuê vi phạm các quy định trong hợp đồng thì bị chấm dứt hợp đồng. Thủ tục chấm dứt hợp đồng thuê người làm Kế toán trưởng thực hiện như thủ tục ký hợp đồng thuê người làm kế toán trưởng với doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán hoặc với người trực tiếp được thuê.

Điều 29. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng

Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và ban hành.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều 45 của Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc
 - a. Giúp việc cho Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Giám đốc;

b. Chủ động và tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Hội đồng quản trị về hiệu quả các hoạt động.

c. Theo ủy quyền bằng văn bản của Giám đốc phù hợp với từng giai đoạn và phân cấp công việc.

d. Các Phó Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Giám đốc về tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

e. Các Phó Giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có quyền kiến nghị với Giám đốc những điểm chưa phù hợp. Trường hợp Giám đốc không điều chỉnh, vẫn phải thực hiện theo ý kiến của Giám đốc nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm giải trình với Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kế toán trưởng

a. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của Công ty.

b. Tham mưu công tác tài chính cho Hội đồng quản trị, Giám đốc;

c. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty;

d. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và phù hợp với quy định của công ty;

e. Lập Báo cáo tài chính, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt định kỳ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công ty;

f. Báo cáo bằng văn bản cho Giám đốc khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong Công ty;

g. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng;

h. Tham mưu cho Giám đốc xây dựng Quy chế quản lý tài chính của Công ty theo trình Hội đồng quản trị phê duyệt, xây dựng các quy định nội bộ về tài chính trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

i. Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

k. Có ý kiến bằng văn bản với Giám đốc Công ty về việc tuyển dụng, thuyên chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ;

l. Yêu cầu các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của Kế toán trưởng.

m. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 31. Công bố thông tin về người điều hành của Công ty

Khi có sự thay đổi về thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 32. Nguyên tắc phối hợp công tác

1. Việc phối hợp công tác của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị với Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a. Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của Công ty.
- b. Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
- c. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
- d. Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn khi phát sinh.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Giám đốc hoặc cả ba để phối hợp giải quyết hiệu quả.

Điều 33. Thủ tục, trình tự triệu tập, tiến hành cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định song ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể mời Giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác (Phó Giám đốc, Trưởng các phòng có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến) tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành

khác của Công ty để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

3. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp. Giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Giám đốc chủ trì.

Điều 34. Thông báo chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Giám đốc

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty (không là thành viên HĐQT) đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 35. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Công ty, Giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định, Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

3. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:

- a. Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- b. Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- c. Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- d. Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).

4. Giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

5. Định kỳ hàng quý, sáu (06) tháng, hàng năm, Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị, cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

6. Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo Điều lệ Công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời hạn báo cáo không chậm hơn hai tư (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

7. Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc phải có tờ trình xin ý kiến đính kèm các tài liệu liên quan gửi đến Hội đồng quản trị. Tờ trình xin ý kiến phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

- a. Nội dung cần xin ý kiến;
- b. Quan điểm của Giám đốc về nội dung cần xin ý kiến;
- c. Đề xuất cụ thể phương hướng giải quyết.

Điều 36. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.

5. Hội đồng quản trị đảm bảo thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, các thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị, Nghị quyết, Quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 37. Phối hợp khác

Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác của Công ty tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc đi công tác nước ngoài phải có chương trình cụ thể, báo cáo và được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên Công ty có liên quan cùng tham gia.

Điều 38. Thẩm quyền quyết định các hợp đồng, giao dịch đặc biệt

1. Các giao dịch, hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương và phê duyệt nội dung hợp đồng:

a. Giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng của Công ty;

b. Giao dịch giữa Công ty và Công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có cổ phần, vốn góp;

c. Giao dịch giữa Công ty và người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng của Công ty;

d. Giao dịch giữa Công ty và Công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Kế toán trưởng của Công ty giữ vai trò quản lý.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải báo cáo Hội đồng quản trị về đề xuất thực hiện hợp đồng, giao dịch và đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan với các hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 điều này được phép tham gia thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

4. Việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch này phải được công bố thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo UBCKNN, SGDCK.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 39. Phương thức đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý

1. Việc đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người điều hành Công ty được thực hiện hàng năm.

2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:

a. Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b. Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;

c. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Giám đốc bổ nhiệm;

d. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét cán bộ quản lý do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.

3. Phòng Tổ chức hành chính kết hợp với Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.

Điều 40. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật

a. Vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ, đạo đức và văn hóa giao tiếp trong thực hiện công việc theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy định của Công ty;

b. Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật

a. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép;

b. Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

c. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

3. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật

a. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm;

b. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Các hình thức kỷ luật áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty

a. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với cá nhân có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Có thái độ làm việc thiếu hợp tác trong công việc;

- Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng;

- Gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Sử dụng tài sản Công ty không đúng với chức năng, quyền hạn được phân công

b. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với cá nhân có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Sử dụng thông tin, tài liệu của Công ty để vụ lợi nhưng chưa gây ra thiệt hại nghiêm trọng;

- Vi phạm các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí các quy định khác của pháp luật liên quan nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cá nhân đã bị áp dụng hình thức

kỷ luật đến lần thứ hai mà vẫn còn tái phạm thì sẽ bị xem xét chuyển sang hình thức kỷ luật cao hơn.

c. Hình thức bãi nhiệm áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại điều 39 và điều 40 Quy chế này;

d. Hình thức cách chức áp dụng đối với các chức danh quản lý không thuộc Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cách chức là việc cá nhân không được tiếp tục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm khi có các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của Công ty gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.

Điều 41. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 43. Khen thưởng và kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Giám đốc

a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b. Kỷ luật: Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật nhà nước về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được

giao. Giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

2. Khen thưởng và kỷ luật đối với những người quản lý khác

a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Giám đốc và theo chính sách của Công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b. Kỷ luật: Những người điều hành của Công ty có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và Công ty quy định sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Trách nhiệm về thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

CHƯƠNG VIII

ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC ĐẢM BẢO THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 45. Áp dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông

1. Công ty có thể áp dụng chương trình bỏ phiếu điện tử do các đơn vị tư vấn có uy tín cung cấp để thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông.

2. Cách thức bỏ phiếu điện tử phải được xây dựng thành Quy chế riêng và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi thực hiện.

CHƯƠNG IX

THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản trị của Công ty, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 47. Hiệu lực

Quy chế này gồm 09 chương và 47 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

Cao Trung Ngoan